

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan

Ông Nguyễn Ngọc Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Phương - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/ TLST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXX- ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Hồng L - sinh năm 1956

Bà Trần Thị T - sinh năm 1956

Trú tại: ngõ N, đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Vũ Hoàng L2 - sinh năm 1990

Trú tại: ngõ N, đường L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H - sinh năm 1966 “vắng mặt”

Bà Trần Thị T - sinh năm 1966 “vắng mặt”

Trú tại: L, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên ngày 25 tháng 12 năm 2019 ông Vũ Hồng L và bà Trần Thị T có cho ông Nguyễn Mạnh H và bà Trần Thị T vay số tiền 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng). Việc vay mượn có lập hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng L, có thỏa thuận về thời hạn vay và lãi suất.

Sau khi ký hợp đồng ông L, bà T đã giao đủ số tiền 1.100.000.000đ. Đến thời hạn thanh toán thì ông H, bà T mới trả được cho ông L, bà T số tiền 921.400.000đ, số tiền

còn lại 178.600.000đ không thanh toán mặc dù ông L, bà T đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu trả nợ nhưng ông H, bà T vẫn không thanh toán.

Ngày 15/7/2021 giữa ông L, bà T với ông H, bà T có lập Biên bản xác nhận công nợ. Theo nội dung của biên bản thì ông H và bà T thừa nhận còn nợ của ông L, bà T là 178.600.000đ và thống nhất số nợ trên được trả làm 05 lần. Trường hợp ông H, bà T không trả được số nợ trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm. Đến thời hạn thanh toán nợ theo cam kết nhưng ông H, bà T vẫn không thanh toán. Ngày 31/12/2021 ông H, bà T trả được 2.000.000đ nên số tiền gốc còn lại là 176.600.000đ. Nay ông L, bà T đề nghị Tòa án buộc ông H và bà T phải trả số tiền gốc 176.600.000đ và tiền lãi như sau:

- Tiền lãi từ ngày 16/7/2021 đến ngày 16/12/2021 (5 tháng) đối với số tiền gốc 178.600.000đ với mức lãi suất 20%/năm = 14.679.000đ (làm tròn số)

- Tiền lãi từ ngày 01/01/2022 đến ngày 27/7/2022 (06 tháng 25 ngày) đối với số tiền gốc 176.600.000đ với mức lãi suất 20%/năm = 19.837.000 (làm tròn số)

Tổng số tiền lãi là: 34.516.000đ. Tổng gốc và lãi = 211.116.000đ

Tại bản tự khai bà Trần Thị T là bị đơn trong vụ án trình bày:

Trước đây vợ chồng bà có mượn giấy tờ nhà đất của ông L, bà T để cầm vay Ngân hàng V nhưng các bên làm thành hợp đồng vay với số tiền 1.100.000.000đ. Sau khi vay thì chúng tôi đã thanh toán và còn nợ lại ông L, bà T số tiền 178.600.000đ theo biên bản xác nhận công nợ là đúng. Nay gia đình bà T, ông L khởi kiện bà và ông H yêu cầu phải thanh toán số tiền gốc còn lại 176.600.000đ và tiền lãi, quan điểm của bà sẽ thanh toán số tiền gốc, còn số tiền lãi xin được miễn giảm vì hiện nay gia đình bà đang gặp khó khăn về kinh tế do làm ăn thua lỗ. Đối với số tiền gốc bà xin được trả dần mỗi năm 30.000.000đ cho đến khi hết nợ. Trường hợp ông L, bà T không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Mạnh H và Trần Thị T theo quy định của pháp luật nhưng ông H không đến tự khai cũng như tham gia phiên hòa giải. Bà T không tham gia phiên hòa giải.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày không có thay đổi, bổ sung gì. Bị đơn ông H vắng mặt không có lý do, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông H và T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần 2 nhưng ông H vắng mặt không có lý do, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại thành phố T, do vậy Tòa án thành phố Thanh Hóa giải quyết là đúng thẩm quyền. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với ông H, bà T để tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] *Về nội dung*:

- Đối với yêu cầu về số nợ gốc: Ngày 25/12/2019 giữa ông Vũ Hồng L, bà Trần Thị T với ông Nguyễn Mạnh H và bà Trần Thị T có ký Hợp đồng vay tiền với nhau. Nội dung, điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Đến thời hạn thanh toán do ông H và bà T không thanh toán đủ số tiền nợ cho ông L, bà T là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 15/7/2021 các bên có lập Biên bản xác nhận công nợ với nhau, theo biên bản thì ông H, bà T thừa nhận còn nợ của ông L, bà T số tiền 178.600.000đ và cam kết trả nợ số tiền trên làm 05 đợt nhưng ông H, bà T vẫn không thanh toán theo đúng cam kết. Ngày 31/12/2021 ông H, bà T mới trả cho ông L, bà T được 2.000.000đ tiền gốc (hai triệu đồng). Do đó, yêu cầu của ông L, bà T buộc ông H, bà T phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại 176.600.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu về số nợ lãi: Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 15/7/2021 thì các bên thống nhất nếu ông H, bà T không thanh toán nợ cho ông L, bà T theo đúng cam kết thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày 16/7/2021. Như vậy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận với nhau không vượt quá quy định theo Điều 468 Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi 34.516.000đ mà ông L, bà T yêu cầu ông H, bà T phải thanh là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà T xin được trả dần số tiền gốc và đề nghị miễn tiền lãi cho ông bà vì hiện nay ông bà gặp khó khăn về kinh tế do không làm ăn được nhưng ông L, bà T không đồng ý miễn tiền lãi cũng như cho ông bà trả dần tiền gốc nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được làm tròn số là 10.556.000đ (mười triệu năm trăm năm sáu nghìn đồng).

Do ông L, bà T là người cao tuổi nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Hồng L và bà Trần Thị T.

Buộc ông Nguyễn Mạnh H và bà Trần Thị T phải trả cho ông Vũ Hồng L và bà Trần Thị T số tiền gốc 176.600.000 đồng và tiền lãi 34.516.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 211.116.000đ (hai trăm mười một triệu, một trăm mười sáu nghìn đồng).

Ông Nguyễn Mạnh H và bà Trần Thị T tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 28/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Biên bản xác nhận công nợ ngày 15/7/2021 đã được ký kết giữa các bên.

Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh H và bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được làm tròn số 10.556.000đ (mười triệu năm trăm năm sáu nghìn đồng).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy